

Số: 23/2021/QĐST-VDS

Mai Sơn, ngày 20 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 76/2021/VDS-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Giàng A N, sinh năm 1990. Địa chỉ: Bản L, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Chị Mùa Thị T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Bản T, xã P, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Giàng A N và chị Mùa Thị T kết hôn với nhau từ năm 2015 do cả hai cùng tự nguyện, không bên nào bị ai ép buộc. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 13/01/2015. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Anh chị cho rằng nguyên nhân mẫu là do vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống hôn nhân, không thể tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Mặc dù anh chị đã được gia đình hòa giải nhưng không thành, anh chị đã sống ly thân từ năm 2019

đến nay. Sau thời gian sống ly thân, anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể thực hiện được nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa hai bên. Tại phiên hòa giải, anh N và chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh N và chị T.

[2] Về con chung trong thời kỳ hôn nhân: Anh N và chị T có 03 con chung là cháu Giàng A S, sinh ngày 14/12/2007 và cháu Giàng Thị C, sinh ngày 03/02/2009 và cháu Giàng A M, sinh ngày 29/10/2014. Anh chị thống nhất thỏa thuận: Anh Giàng A N là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Giàng A S đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Chị Mùa Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Giàng Thị C và cháu Giàng A M đến khi hai cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Tại văn bản ghi nhận ý kiến của con chung, cháu Giàng A S có nguyện vọng tiếp tục ở cùng bố, cháu Giàng Thị C và cháu Giàng A M có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Nhận thấy, thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung của hai anh chị là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên, phù hợp với điều kiện kinh tế của các bên nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Anh N và chị T đã thống nhất xác nhận đã tự phân chia tài sản chung nên anh chị không đề nghị Tòa án xem xét trong vụ việc này.

[4] Về nợ chung vợ chồng: Anh N và chị T xác nhận không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân.

[5] Về lệ phí tòa án: Anh N và chị T xin miễn lệ phí việc dân sự do anh chị là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng đặc biệt khó khăn.

Xét thấy: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn ngày 10 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Anh Giàng A N và chị Mùa Thị T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh N và chị T có 03 con chung và thống nhất thỏa thuận: Anh Giàng A N là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Giàng A S, sinh ngày 14/12/2007 đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Chị Mùa Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Giàng Thị C, sinh ngày 03/02/2009 và cháu Giàng A M, sinh ngày 29/10/2014 đến khi hai cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, chị T và anh N được quyền thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản anh chị thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung vợ chồng: Anh N và chị T đã thống nhất xác nhận đã tự thỏa thuận xong nên không đề nghị Tòa án xem xét trong vụ việc này. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu thì được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

- Về nợ chung vợ chồng: Không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Giàng A N và chị Mùa Thị T được miễn lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn do thuộc trường hợp đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã C, huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Tráng A Tênh